

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.**

1.1. **Tên dự án:** Chương trình phát triển các Đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiêu dự án Thừa Thiên Huế.

1.2. **Tổng mức đầu tư:** 2.088.472 triệu (VNĐ) tương đương 91,22 triệu (USD). (tỷ giá: Tỷ giá quy đổi các khoản giải ngân là tỷ giá tại thời điểm thanh toán; phần chưa thực hiện phần vốn ADB tính theo tỷ giá hiện nay: 1 USD = 24.267 VNĐ).

1.3. **Chủ dự án:** Sở Tài chính thành phố Huế.

1.4. **Ban QLDA:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Chương trình phát triển các Đô thị loại II (các đô thị xanh) - dự án thành phần Thừa Thiên Huế.

1.5. **Nguồn vốn:** Vốn vay của ADB và vốn đối ứng của địa phương.

1.6. **Thời gian thực hiện dự án:** Đến ngày 30 tháng 6 năm 2028.

1.7. **Địa điểm thực hiện dự án:** Quận Phú Xuân, quận Thuận Hóa, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế.

1.8. **Các hợp phần của dự án: Gồm có 03 Hợp phần.**

##### **a. Hợp phần 1: Phòng chống ngập lụt và vệ sinh môi trường:**

1. Nạo vét và kè sông Kẻ Vạn.

2. Hệ thống thoát nước và vỉa hè 4 phường nội thành (gồm 16 tuyến đường).

3. Nạo vét và kè hồ kinh thành (06 hồ trong kinh thành).

4. Hệ thống cấp nước nước khu xử lý rác Phú Sơn - thị xã Hương Thủy.

5. Cải tạo nâng cấp sông Lấp.

6. Nạo vét và kè sông An Hòa.

7. Cây xanh, vỉa hè, thoát nước điện chiếu sáng các trục sinh thái trung tâm khu ĐTM An Vân Dương.

8. Công viên, cây xanh, quảng trường Khu hành chính tập trung.

9. Chỉnh trang và xây dựng kè dọc bờ sông Đông Ba.

10. Chỉnh trang và xây dựng kè dọc 2 bờ sông An Cựu.

11. Kè sông Như Ý (theo đường Hàn Mặc Tử đoạn từ cầu Võ Dạ đến Vân Dương).

##### **b. Hợp phần 2: Phát triển Hệ thống giao thông:**

12. Đường 100m nối 2 khu đô thị A và B khu An Vân Dương (cầu qua sông Như Ý).

13. Đường Bùi Thị Xuân.

14. Đường Huyền Trân Công Chúa.

15. Nâng cấp mở rộng cầu Võ Dạ.

### **c. Hợp phần 3: Tăng cường năng lực và hỗ trợ thực hiện dự án:**

Nâng cao năng lực quản lý của chính quyền đô thị, trong đó tập trung vào các công việc chính như hỗ trợ kỹ thuật cho Hội phụ nữ; hỗ trợ kỹ thuật cho Ban QLDA về công tác quản lý và thực hiện dự án; thực hiện các khóa tập huấn và đào tạo. Tuyên truyền và vận động sự tham gia của cộng đồng vào công tác vận hành bảo dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường. Cung cấp các trang thiết bị cần thiết nhất cho Ban Quản lý dự án nhằm bảo đảm thực hiện dự án hiệu quả đúng tiến độ.

1.9. **Tổng mức đầu tư: 2.088.472 triệu (VNĐ) tương đương 91,22 triệu (USD).** (tỷ giá: Tỷ giá quy đổi các khoản giải ngân là tỷ giá tại thời điểm thanh toán; phần chưa thực hiện phần vốn ADB tính theo tỷ giá hiện nay: 1 USD = 24.267 VNĐ).

*Trong đó:*

- Nguồn vốn vay ADB: **60,69 triệu USD**, tương đương **1.442.676 triệu đồng.**

+Vốn đối ứng: **30,53 triệu USD** tương đương **645.796 triệu đồng.**

### **2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 44: Tư vấn khảo sát, thiết kế lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ;

- Nguồn vốn: Vốn đối ứng;

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói + đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.

- Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Nhằm chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật và tài chính để thực hiện gói thầu Tư vấn Khảo sát, thiết kế lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh thuộc dự án Chương trình phát triển các Đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế đạt yêu cầu về tiến độ, khối lượng và chất lượng đúng quy chuẩn, quy phạm hiện hành của nhà nước.

### **3. Khái quát về gói thầu:**

Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của gói thầu là:

#### **3.1. Hướng tuyến và vị trí công trình:**

**a. Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương: gồm 02 tuyến kênh.**

Hướng tuyến kênh 1: Điểm đầu tại đường Văn Tiến Dũng (nối vào kênh đã đầu tư xây dựng), điểm cuối giao nhánh sông Như Ý. Tổng chiều dài toàn tuyến kênh khoảng 1,292km.

Hướng tuyến kênh 2: điểm đầu giao đường nhánh giao đường Hoàng Quốc Việt và TL1 cũ (kiệt 47 Hoàng Quốc Việt), điểm cuối giao tuyến kênh 1. Tổng chiều dài toàn tuyến kênh khoảng 0,994km.

**b. Cải tạo đường bộ (Bao gồm xây dựng mới 2 đoạn đường tại khu B khu đô thị mới An Vân Dương và cải tạo 3 đoạn đường).**

1. Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương:

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Võ Chí Công (Tỉnh lộ 28), điểm cuối giao Đường liên xã Thủy Thanh - Thủy Vân (đường Nguyễn Cửu Vân). Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 2,11km.

2. Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương:

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường mặt cắt 60m, điểm cuối giao đường mặt cắt 36m. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 0,629km.

3. Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tỉnh lộ 12B):

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Vạn Xuân, điểm cuối tại chùa Thiên Mụ. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 2,715km.

4. Đường Bạch Đằng:

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Chi Lăng tại cầu Gia Hội, điểm cuối tại cầu Đông Ba. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 0,693km.

5. Đường Chi Lăng:

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Bạch Đằng tại cầu Gia Hội, điểm cuối giao đường Nguyễn Bình Khiêm. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 0,85km.

**c. Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh:**

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối tại Trung tâm thể thao tỉnh. Tổng chiều dài toàn tuyến và cầu đi bộ khoảng 0,38km.

### **3.2. Khảo sát địa hình, địa chất:**

Phục vụ công tác lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh bao gồm các nội dung công việc sau đây:

#### **3.2.1. Xây dựng lưới khống chế mặt bằng và cao độ:**

- Hệ tọa độ: Sử dụng hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}E$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ .

- Hệ cao độ: Sử dụng hệ cao độ Nhà nước (Hòn Dấu - Hải Phòng).

##### **3.2.1.1. Xây dựng lưới khống chế mặt bằng:**

Sử dụng các điểm mốc tọa độ hạng III hiện có lân cận khu vực đường Bạch Đằng và đường Chi Lăng để xây dựng lưới khống chế mặt bằng phục vụ thiết kế, thi công tuyến dự án theo hệ tọa độ VN-2000. Số liệu mốc đơn vị khảo sát liên hệ với Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường thành phố Huế để được cung cấp bao gồm các mốc có số liệu như sau:

- Đường Bạch Đằng và đường Chi Lăng: sử dụng mốc tọa độ hạng III có số hiệu 33278, 332405.

Sử dụng các điểm mốc tọa độ GPS hạng IV, mốc giải tích cấp 1 hiện có lân cận khu vực các tuyến dự án gồm: Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương, Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương, Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương, Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tỉnh lộ 12B), Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) – dự án thành phần Thừa Thiên Huế cung cấp bao gồm các mốc có số liệu như sau:

STT	Tên điểm	X(m)	Y(m)	H(m)	Ghi chú
1	GPSVD3-03	1821110.736	558811.796	3.707	Cầu Nguyễn Hoàng
2	CSHIV-02	1820417.605	559982.285	3.642	Cầu Nguyễn Hoàng
3	GT-4	1821308.356	565534.743	2.293	Khu A – An Vân Dương
4	GT-5	1820799.798	565749.967		Khu A – An Vân Dương
5	GT-8	1820254.964	566058.529		Khu A – An Vân Dương
6	GT-17A	1822282.126	564655.644	2.149	Khu B – An Vân Dương
7	GT-18A	1822034.250	565493.399	2.320	Khu B – An Vân Dương
8	GT-19A	1822725.033	566284.322	1.352	Khu B – An Vân Dương

Đối với các mốc GPS hạng IV, mốc giải tích cấp 1, tiến hành đo kiểm tra, bình sai số liệu đo so sánh số liệu cung cấp, báo cáo sự sai khác nếu có và thông báo đến Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) – dự án thành phần Thừa Thiên Huế bằng văn bản.

#### ***Chọn điểm chôn mốc:***

Dựa vào hướng tuyến đã nêu trong Phần 2 và thực tế địa hình lập các mốc giải tích cấp 1 cho tuyến đường Bạch Đằng và đường Chi Lăng. Khoảng cách giữa các mốc giải tích cấp 1 bình quân 500m, cạnh dài nhất  $\leq 800m$ , cạnh ngắn nhất  $\geq 120m$ , hai cạnh liền nhau chiều dài chênh nhau  $> 2,0$  lần.

Đối với đường chuyên cấp 2 (dùng cho các hạng mục công trình), khoảng cách giữa các mốc đường chuyên cấp 2 bình quân 200m, cạnh dài nhất  $\leq 350m$ , cạnh ngắn nhất  $\geq 80m$ , hai cạnh liền nhau chiều dài chênh nhau  $> 1,5$  lần.

Mốc giải tích cấp 1 (xây mới), mốc đường chuyền cấp 2 được xây dựng tại các vị trí khô ráo, ổn định, cách xa phạm vi thi công tuyến và dễ dàng đo nối các đỉnh và các cọc chi tiết của tuyến và có thể tận dụng lại sau này.

***Quy cách, kích thước mốc:***

Mốc đường chuyền cấp 2 được xây dựng theo quy cách như sau:

+ Mặt mốc: 20cm x 20cm.

+ Đáy mốc: 30cm x 30cm.

+ Chiều cao mốc: 40cm.

+ Vật liệu làm mốc: Bê tông mác 200.

+ Tim mốc bằng sứ của Tổng cục Địa chính.

+ Trên mặt mốc ghi ký hiệu và số hiệu cùng với ngày, tháng, năm xây dựng. Số hiệu được đánh theo thứ tự từ GT-1, GT2..., DCII-1, DCII-2, ... DCII-n.

***Phương pháp đo:***

Lưới giải tích cấp 1, đường chuyền cấp 2 được đo bằng các máy toàn đạc điện tử có độ chính xác đo góc là 5" và có độ chính xác đo cạnh tương đương:  $M_s = 5\text{mm} \pm 5.10^{-6}.D$  (D là chiều dài cạnh đo tính bằng Km) hoặc sử dụng công nghệ GPS. Trước khi triển khai đo đạc, các máy đo và các thiết bị đồng bộ phải được kiểm nghiệm. Máy đo phải được kiểm nghiệm sai số 2C, MO. Kiểm tra đế máy, đế gương, bọt thủy ở sào gương, chuẩn bị sẵn các tiêu đo.

Lưới khống chế tọa độ giải tích cấp 1, đường chuyền cấp 2 được đo theo đúng qui trình, qui phạm thành lập lưới.

***3.2.1.2. Xây dựng lưới khống chế cao:***

***Mốc cao độ gốc:***

Mốc cao độ gốc lấy theo số liệu mốc đã nêu ở trên.

***Mốc cao độ phục vụ xây dựng tuyến dự án:*** Sử dụng chung với các mốc khống chế mặt bằng của lưới giải tích cấp 1, đường chuyền cấp 2, không chôn mốc riêng.

***Sơ đồ lưới:***

Đối với mốc giải tích cấp 1 và đường chuyền cấp 2 xây mới: Xuất phát từ mốc có cấp hạng cao hơn có cao độ thủy chuẩn, thành lập lưới độ cao kỹ thuật dạng khép kín để dẫn độ cao vào tất cả các điểm đường chuyền cấp 2 mới xây dựng.

***Phương pháp đo:***

Dùng máy thủy bình Ni025 và mia 3m có hai mặt số để đo cao và đo theo phương pháp đo cao hình học.

Lưới không chế cao độ được bình sai theo phương pháp bình sai gián tiếp trên máy tính điện tử. Sai số phải nằm trong phạm vi cho phép của Quy trình 22TCN 263-2000.

### **3.2.2. Phóng tuyến định đỉnh cắm công:**

Mục đích: Xác định tim tuyến đảm bảo đúng theo cấp hạng kỹ thuật của tuyến đường, phù hợp với quy hoạch và thực tế địa hình trong khu vực...

Phạm vi khảo sát: Phạm vi khảo sát như đã nêu ở Phần 2.

Nội dung và trình tự khảo sát:

#### **a. Các bước thực hiện:**

- + Khảo sát đăng ký đường hiện hữu.
- + Xác định tim tuyến hiện hữu, xác định tim tuyến hoàn thiện.
- + Khảo sát chi tiết.

#### **b. Khảo sát đăng ký đường hiện hữu:**

- + Trên cơ sở đường hiện có tiến hành khảo sát các nội dung sau:
  - + Khảo sát hình dạng đường bao gồm xác định mép mặt đường, vai nền đường và vị trí công trình.
  - + Lập bình đồ với tỷ lệ 1/1000.

#### **c. Xác định tim tuyến dự án:**

Hướng tuyến và tim tuyến đường: Trên cơ sở các tuyến đường hiện trạng: Bạch Đằng, Chi Lăng, Kim Long, Nguyễn Phúc Nguyên, đường mặt cắt 60m, đường Nguyễn Hữu Thọ, tiến hành khảo sát mép đường cũ hiện hữu, phóng tuyến định đỉnh thỏa mãn yêu cầu của cấp đường và phù hợp các quy hoạch đã được phê duyệt.

#### **d. Khảo sát chi tiết:**

Trên cơ sở tim tuyến dự án đã được xác định, tiến hành phóng tuyến, định đỉnh và cắm công ngoài thực địa.

*Đóng công:* Trường hợp trên tuyến có bố trí đường cong nằm, cần cắm đường cong tròn đơn cho tất cả các đỉnh sao cho có đường bán kính cong nằm  $\geq$  bán kính cong nằm tối thiểu thông thường của cấp đường hoặc theo bán kính cong đã quy định trong các bản vẽ quy hoạch giao thông đã phê duyệt, bao gồm các cọc chủ yếu của đường cong như: tiếp đầu (TĐ), tiếp cuối (TC) và cọc phân (P); Sử dụng cọc định sắt theo quy định.

*Quy định về cọc đỉnh:* Cọc được đúc bằng BTXM mác 200 có kích thước 10x10x40cm và có tâm bằng đỉnh sắt. Trường hợp đỉnh nằm trên đường nhựa, đường bê tông xi măng dùng cọc định sắt D=12 dài 10cm có mũ và đầu mũ đỉnh được chấm sơn đỏ, viết báo trên địa vật hoặc mặt đường. Cọc phải được gắn vào lưới đường chuyên cấp 2 và lưới độ cao cấp kỹ thuật.

### **3.2.3. Khảo sát bình đồ:**

Mục đích: Cơ sở cho việc thiết kế kè, tuyến đường, đầu nối các công trình hiện hữu (công trình thoát nước, bến nước, đường kiệt) và nạo vét lòng sông.

Phạm vi khảo sát: Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/1000 đường đồng mức 1m. Phạm vi đo vẽ cụ thể như sau:

**a. Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương: gồm 02 tuyến kênh.**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc kênh:

+ Tuyến kênh 1: Điểm đầu tại đường Văn Tiến Dũng (nối vào kênh đã đầu tư xây dựng), điểm cuối giao nhánh sông Như Ý. Tổng chiều dài toàn tuyến kênh khoảng 1,292km.

+ Tuyến kênh 2: điểm đầu giao đường nhánh giao đường Hoàng Quốc Việt và TL1 cũ (kiệt 47 Hoàng Quốc Việt), điểm cuối giao tuyến kênh 1. Tổng chiều dài toàn tuyến kênh khoảng 0,994km.

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang kênh:

+ Tuyến kênh 1: Tính từ tim kênh ra mỗi bên 100m.

+ Tuyến kênh 2: Tính từ tim kênh ra mỗi bên 28m.

**b. Cải tạo đường bộ (Bao gồm xây dựng mới 2 đoạn đường tại khu B khu đô thị mới An Vân Dương và cải tạo 3 đoạn đường).**

**1. Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương:**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc tuyến: Điểm đầu giao đường Võ Chí Công (Tỉnh lộ 28), điểm cuối giao Đường liên xã Thủy Thanh - Thủy Vân (đường Nguyễn Cửu Vân).

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 40m.

**2. Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương:**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc tuyến: Điểm đầu giao đường mặt cắt 60m, điểm cuối giao đường mặt cắt 36m.

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 60m.

**3. Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tỉnh lộ 12B):**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc tuyến: Điểm đầu giao đường Vạn Xuân, điểm cuối tại chùa Thiên Mụ.

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 17m.

**4. Đường Bạch Đằng:**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc tuyến: Điểm đầu giao đường Chi Lăng tại cầu Gia Hội, điểm cuối tại cầu Đông Ba.

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 12m.

**5. Đường Chi Lăng:**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc tuyến: Điểm đầu giao đường Bạch Đằng tại cầu Gia Hội, điểm cuối giao đường Nguyễn Bình Khiêm.

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 11m.

**c. Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh:**

- Phạm vi đo vẽ theo phương dọc tuyến: Điểm đầu giao đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối tại Trung tâm thể thao tỉnh.

- Phạm vi đo vẽ theo phương ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 11m.

Phương án kỹ thuật khảo sát: Dùng máy toàn đạc điện tử NIKON DTM-362 hoặc máy tương đương để đo bình đồ, vẽ đường đồng mức bằng phương pháp nội suy. Khoảng cách giữa hai đường đồng mức liền kề được quy định như sau:

TT	Tên bình đồ	Tỷ lệ	K.cách đường đồng mức
1	Bình đồ tuyến đường, tuyến kênh	1/1000	1,0m

**1.2.4. Khảo sát đo vẽ mặt cắt:**

Mục đích:

- Trắc dọc tuyến: Xác định chiều dài tuyến, cao độ tim tuyến, làm cơ sở cho việc thiết kế đường đò.

- Trắc ngang tuyến: Làm cơ sở cho việc xác định khối lượng tuyến; bố trí công trình thoát nước (cống và cầu nhỏ).

Phạm vi khảo sát:

**a. Trắc dọc tuyến:**

- Trắc dọc tuyến: Tỷ lệ dài 1/1000, cao 1/100. Phạm vi khảo sát: Từ điểm đầu tuyến đến điểm cuối tuyến, hướng tuyến như đã nêu ở Phần 2.

- Đầu tuyến, cuối tuyến, điểm chuyển hướng (TĐ. P, TC), các điểm giao công trình hiện hữu, các điểm giao nút giao quy hoạch, các cọc chi tiết địa hình, khoảng cách giữa các cọc  $\leq 40m$ .

**b. Trắc ngang tuyến:**

- Dùng máy thủy bình ZAL.124 và mia nhôm kết hợp với thước vải 30m để đo trắc ngang các cọc đã đóng trên tuyến. Đo vuông góc với tim tuyến Phạm vi đo như sau:

- Vẽ trắc ngang tuyến tỷ lệ 1/200: Làm cơ sở cho việc xác định khối lượng tuyến; bố trí công trình thoát nước (cống và cầu nhỏ). Phạm vi đo vẽ cụ thể như sau:

**a. Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương: gồm 02 tuyến kênh.**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến kênh:
- + Tuyến kênh 1: Tính từ tim kênh ra mỗi bên 90m.
- + Tuyến kênh 2: Tính từ tim kênh ra mỗi bên 28m.

**b. Cải tạo đường bộ (Bao gồm xây dựng mới 2 đoạn đường tại khu B khu đô thị mới An Vân Dương và cải tạo 3 đoạn đường).**

**1. Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương:**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 33m.

**2. Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương:**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 55m.

**3. Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tĩnh lộ 12B):**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 15m.

**4. Đường Bạch Đằng:**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 8m.

**5. Đường Chi Lăng:**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 7m.

**c. Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh:**

- Phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến: Tính từ tim tuyến ra mỗi bên 8m.

Nội dung khảo sát:

**a) Trắc dọc tuyến:**

*Đo dài:* Đo dài bằng máy toàn đạc điện tử. Kết hợp đo tổng quát và đo chi tiết một lần để đóng cọc Km, cọc H và khoảng cách giữa các cọc chi tiết.

*Đo cao:* Cao đạc được thực hiện bằng máy thủy bình Ni 025. Phương pháp đo và sai số phải nằm trong phạm vi cho phép của Quy trình 22 TCN 263-2000.

*Đóng công:* Trường hợp trên tuyến có bố trí đường cong nằm, cần cắm đường cong tròn đơn cho tất cả các đỉnh sao cho có đường bán kính cong nằm  $\geq$  bán kính cong nằm tối thiểu thông thường của cấp đường hoặc theo bán kính cong đã quy định trong các bản vẽ quy hoạch giao thông đã phê duyệt, bao gồm các cọc chủ yếu của đường cong như: tiếp đầu (TĐ), tiếp cuối (TC) và cọc phân (P); Sử dụng cọc đỉnh sắt theo quy định.

*Cọc chi tiết:* Cọc chi tiết phải phản ánh địa hình và để làm tài liệu tính khối lượng nền đường.

Khoảng cách giữa các cọc chi tiết  $\leq 40\text{m}$  (đối với các đoạn địa hình phức tạp, thay đổi liên tục cần bố trí cọc chi tiết dày hơn, khoảng cách trung bình nên  $\leq 20\text{m}/\text{cọc}$ ).

Bố trí tối thiểu 01 cọc chi tiết tại các công cũ hoặc vị trí dự kiến công.

Bố trí tối thiểu 05 cọc chi tiết tại các qua sông, suối cần xây dựng cầu nhỏ / cầu trung (01 cọc tim lòng khe, 02 cọc mép bờ, 02 cọc đỉnh bờ).

Bố trí 03 cọc chi tiết tại các vị trí cầu bản, công hộp có khẩu độ lớn  $\geq 3,0\text{m}$  (01 cọc tim, 02 cọc mép bờ).

Bố trí tối thiểu 01 cọc chi tiết tại các nút giao đường nội bộ, đường kiệt, đường xóm, trạm biến áp, lối vào các đình, chùa, trường học, Trụ sở cơ quan Nhà nước (nếu có)...

### **b) Trắc ngang tuyến:**

Đo trắc ngang ở tất cả các cọc chi tiết, cọc Km và cọc trong đường cong. Hướng đo phải vuông góc với tim tuyến đường, trong đường cong theo đường hướng tâm. Đo bằng máy kinh vĩ hoặc thước chữ A.

Lưu ý: Đối với các đoạn tuyến đi trên đường cũ phải đo tối thiểu 05 điểm mia trên phạm vi mặt đường cũ (tim đường, 2 mép đường và 2 điểm trung gian) mục đích cho việc tính khối lượng bù vênh trên đường cũ. Ngoài ra cần đo các điểm mia: Vai đường, chân đường và phải đo bằng máy thủy bình.

#### **1.2.5. Khảo sát công trình hiện hữu trên tuyến:**

Mục đích: Làm cơ sở cho việc thiết kế đấu nối với các công trình dự kiến xây dựng hoặc tháo dỡ, di dời nếu cần thiết.

Phạm vi khảo sát: Phạm vi trên toàn tuyến như đã nêu trong phần 2.

Phương pháp khảo sát: Dùng máy kinh vĩ hoặc thủy bình, thước dây hoặc thước thép để khảo sát.

### **a) Cổng và cầu nhỏ:**

Đối với hệ thống cầu, cổng cần thu thập số liệu: Với mỗi công trình cần thu thập các số liệu sau:

+ Loại cổng (tròn, hộp, bản...).

+ Vật liệu làm cổng, hố ga.

+ Sơ họa chi tiết hình dạng công trình và các hư hại (nếu có). Trong đó có thể hiện đầy đủ cao độ đỉnh, đáy hố ga, cổng hiện có.

+ Điều tra tình hình về thủy văn, thủy lực và tải trọng hiện tại.

+ Lập bảng thống kê.

### **b) Các công trình khác:**

Đối với đường điện: Xác định góc giao, lý trình, chiều cao tính không từ dây thấp nhất đến tim đường, khoảng cách cột tới tim đường.

Ngoài ra, cần điều tra khảo sát nguồn cấp điện với các nội dung sau:

- + Xác định phạm vi cấp điện.
- + Nghiên cứu thu thập số liệu lưới điện hiện có trong khu vực.
- + Vị trí có khả năng đấu nối nguồn điện (địa điểm, khoảng cách đến vị trí dự kiến xây dựng...)

Đối với đường ống cấp nước: Xác định vị trí, kích thước và mục đích sử dụng.

Đối với đường cáp quang: Xác định vị trí và dự kiến khối lượng di dời nếu có.

Đối với các công trình tạm như cọc tiêu, biển báo, cọc Km cần thống kê đầy đủ số lượng, chất lượng và xác định vị trí trên bình đồ tuyến.

Đối với các công trình khác như tường chắn, các đoạn gia cố ta luy, tường chắn, kè, rãnh xây, bậc nước... cần thể hiện đầy đủ kích thước cũng như về chất lượng, chú ý đến các chỗ có vết nứt, gãy, lún và xác định vị trí trên bình đồ.

#### **1.2.6. Khảo sát thủy văn:**

Mục đích: Cơ sở cho việc xác định cao độ tuyến đường, xác định và kiểm tra khẩu độ thoát nước của các công trình hiện có trên tuyến. Cơ sở để tính toán khẩu độ cầu, cao độ mặt cầu.

Phương pháp khảo sát: Đối với tuyến: Tổ chức điều tra mực nước theo quy định như điều 8.5 (22TCN 263-2000 Khảo sát đường ô tô): Cứ 01 tuyến đường bố trí 01 cụm mực nước gồm: Mực nước lũ năm 2023, 2022, 2020.

#### **1.2.7. Khảo sát điều tra bồi thường giải phóng mặt bằng:**

Mục đích: Làm cơ sở cho việc lập tổng mức đầu tư và phương án di dời và bố trí tái định cư. Hạn chế việc lấn chiếm phạm vi xây dựng tuyến.

Phạm vi điều tra: Điều khối lượng giải phóng mặt bằng trong phạm vi đo vẽ trắc ngang của các tuyến đường: Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương và Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương.

Phương pháp khảo sát:

- Công tác điều tra GPMB bao gồm các hạng mục: nhà cửa, thành xây, trụ công, ruộng, vườn, mồ mã, cột điện, cột thông tin, các đường cáp ngầm hiện có, cây cối, ao hồ, ruộng, hoa màu và các vật kiến trúc khác...
- Lập bảng thống kê đền bù giải phóng mặt bằng theo mẫu quy định.

#### **1.2.8. Khảo sát địa chất:**

Mục đích:

- Mục đích phục vụ việc tính toán kết cấu áo đường trên đường cũ hiện có.

- Với công trình thông thường: Xác định cấp đất, đá cho việc tính khối lượng nền, xác định chiều sâu bóc đất hữu cơ và sơ bộ xác định vị trí nền đất yếu.

- Mỏ vật liệu: Làm cơ sở cho việc lập dự toán công trình.

- Thuyết minh địa chất: Trong thuyết địa chất cần mô tả các lớp địa chất trên từng phân đoạn của tuyến, kênh. Đối với mỗi lớp địa chất cần đánh giá cấp đất, cấp đá cho công tác đào bằng máy, phục vụ cho việc đào bóc khối lượng trong công tác thiết kế và dự toán. Xác định mức nước ngầm trên toàn tuyến, kết luận về điều kiện địa chất thủy văn và các kiến nghị.

- Hồ sơ địa chất: Phần thuyết minh, phần các phiếu thí nghiệm mẫu, phần hồ sơ mỏ (các phiếu xác nhận mỏ phải có trữ lượng, chữ ký và dấu của chủ mỏ), bản sơ họa vị trí và cự ly các mỏ vật liệu đến công trình, phiếu điều tra vị trí bãi thải (phải có xác nhận của địa phương), nhật ký khoan, phiếu cắt cánh hiện trường, phiếu đóng SPT, phiếu Rqd (nếu có). Mục đích phục vụ việc tính toán địa chất tuyến kè, công trình trong công tác thiết kế và phục vụ việc lập dự toán công trình.

Phạm vi khảo sát:

- Khoan thủ công trên cạn chiều sâu lỗ khoan là 10m tại các vị trí cụ thể như sau:

+ Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương: Tuyến kênh số 1: 03 vị trí; tuyến kênh 2: 01 vị trí.

+ Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương: 01 vị trí.

- Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu trên cạn chiều sâu lỗ khoan là 20m tại các vị trí cụ thể như sau:

+ Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh: 01 vị trí.

- Tiến hành thí nghiệm đóng SPT trong lỗ khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu. Đọc theo chiều sâu lỗ khoan cứ 2m đóng 1 điểm SPT.

- Lấy mẫu thí nghiệm: đọc theo chiều sâu lỗ khoan (khoan thủ công và khoan xoay) 2m lấy một mẫu thí nghiệm nguyên dạng và 0,5m lấy 1 mẫu hồ sơ. Thí nghiệm 100% số lượng mẫu.

- Đào không chống độ sâu đến 0,5m (mô tả kết cấu mặt đường cũ) tại các vị trí cụ thể như sau:

+ Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương: 04 vị trí.

+ Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tĩnh lộ 12B): 04 vị trí.

+ Đường Bạch Đằng: 02 vị trí.

+ Đường Chi Lăng: 02 vị trí.

+ Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh: 01 vị trí.

- Đo mô đun đàn hồi bằng cần Belkenman (trên mặt đường cũ) với mật độ 10 điểm đo/làn xe/1km, vị trí đo xen kẽ giữa cách mép đường bên phải 0,6m, tim làn xe/tim đường, cách mép đường bên trái 0,6m. Các tuyến cần đo mô đun đàn hồi cũ cụ thể như sau:

+ Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương.

+ Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tỉnh lộ 12B).

+ Đường Bạch Đằng.

+ Đường Chi Lăng.

+ Đường Nguyễn Hữu Thọ (Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh).

### ***1.2.9. Khối lượng khảo sát địa chất, địa hình:***

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng							Tổng
			Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương	Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương	Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương	Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tỉnh lộ 12B)	Đường Bạch Đằng	Đường Chi Lăng	Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh	
	Chiều dài tuyến		2286	2110	629	2715	693	850	310	
<b>I</b>	<b>*I- Khảo sát địa hình:</b>									
1	Xây dựng mốc giải tích cấp 1, địa hình cấp III	Điểm					1	1		2,000
2	Kiểm tra, hiệu chỉnh mốc giải tích cấp 1, địa hình cấp III	Điểm	2	2		2				6,000
3	Xây dựng mốc đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III	Điểm	13	12	4	15	4	5	3	56,000
4	Đo thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	Km	2,286	2,11	0,629	2,715	0,693	0,85	0,31	9,593
5	Đo vẽ cắt dọc tuyến tỷ lệ 1/1000, 1/100, địa hình cấp III, trên cạn	100m	22,86	21,1	6,29	27,15	6,93	8,5	3,1	95,930
6	Đo vẽ cắt ngang tuyến tỷ lệ 1/200, địa hình cấp III, trên cạn	100m	98,175	46,86	24,2	28,52	3,84	4,06	1,65	207,305
7	Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1,0m, địa hình cấp III, trên cạn	1 ha	31,4325	16,88	7,548	9,5025	1,6632	1,87	0,713	69,609
8	Điều tra giải phóng mặt bằng	Công	10		5					15,000
9	Điều tra công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, nổi	Công	5	5	1	5	3	3	1	23,000



### **3.3. Nhiệm vụ thiết kế lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh:**

#### **3.3.1. Mục tiêu công tác thiết kế:**

- Tạo ra một môi trường xanh, sạch, đẹp thu hút người dân đến với thiên nhiên từ đó minh chứng rõ rệt cho “thành phố Huế xanh”.
- Tăng cường đa dạng sinh học cho dự án.
- Truyền cảm hứng cho những người có giá trị giáo dục thông qua các điểm đến công cộng sạch sẽ và thiết kế tốt.
- Tăng cường sức hấp dẫn thiết kế bằng cách giới thiệu một số nút công cộng lớn.
- Tạo ra một môi trường với các công viên xanh mới, thiết kế nhạy cảm về nước và thích nghi với biến đổi khí hậu.
- Mang lại lợi ích cho cộng đồng và du khách.

#### **3.3.2. Địa điểm xây dựng:**

- Thuộc phường Thuộc phường An Đông, xã Thủy Thanh, phường Thủy Vân, phường Kim Long, phường Hương Long, phường Gia Hội, phường Xuân Phú, thành phố Huế.

#### **3.3.3. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình:**

- Phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt.
- Phù hợp với cảnh quan kiến trúc xung quanh, tạo diện mạo mới, không gian xanh, hài hòa với thiên nhiên.

#### **3.3.4. Quy mô đầu tư và các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

##### **3.3.4.1. Quy mô đầu tư:**

##### **3.3.4.1.1. Kênh sinh thái khu A – An Vân Dương: gồm 02 tuyến kênh**

Kênh sinh thái Khu A - Đô thị mới An Vân Dương thuộc Quy hoạch chung khu Đô thị mới An Vân Dương, phía Đông thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 02/5/2005; Quy hoạch chi tiết xây dựng khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế được phê duyệt tại Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 27/11/2007 và Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### ***Tuyến kênh 1:***

Hướng tuyến kênh 1: Điểm đầu tại đường Văn Tiên Dũng (nối vào kênh đã đầu tư xây dựng), điểm cuối giao nhánh sông Như Ý. Tổng chiều dài toàn tuyến kênh khoảng 1,292km.

Quy mô đầu tư: Đầu tư xây tuyến kênh, 2 tuyến đường giao thông chạy song song tuyến kênh B=6,0 (hè phố) + 7,5 (mặt đường) + công viên. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, điện chiếu sáng; Công viên cảnh quan; bố trí các cống hộp giao cắt các tuyến hiện có trong khu vực.

- Nạo vét tuyến kênh: Chiều dài khoảng 1,292km, cao trình đáy mương -1,74m ~ -2,00m, bề rộng đáy kênh trung bình từ 27,0m. Kết cấu gồm khoá chân kè bằng tường là đá xây, cao trình đỉnh tường là +0,50, cao trình đỉnh kè là cao trình đường đi bộ, mái kè  $m=1,5$  từ cao trình +0.50 đến đỉnh kè, được ốp bằng tấm BTXM M200 trong hệ thống khung giằng, giữa tấm có lỗ trồng cây. Bố trí các công hộp đôi cắt qua các tuyến có mặt cắt 60m, 56m, 26m và một số vị trí khác trên tuyến kênh 1 và một số công trên tuyến kênh 2.

- Đường đi bộ: Chiều dài khoảng 1,292km, gồm 2 làn chạy dọc đỉnh tuyến kè có bề rộng 3m, nền đường đắp đất đòi đầm chặt, phía trên là lớp bê tông M200, bề mặt lát gạch.

- Điện chiếu sáng: Bố trí 1 hàng điện chiếu sáng trên mỗi làn đường đi bộ, khoảng cách 30-40m/cột.

- Công viên cây xanh: Nằm giữa hai tuyến đường về hai phía của kênh, chiều rộng mỗi phía là 22-42m, được đắp đất tận dụng lấy từ đất đào kênh thoát nước. Trồng cây trang trí.

- Đường giao thông: Mặt đường rộng 7,5x2m (2 bờ), kết cấu mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa rải nóng, có mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$ , 1 lớp bê tông nhựa chặt C19 trên các lớp cấp phối đá dăm. Hè phố chỉ bố trí một bên rộng 6m, trên hè bố trí đường đi bộ 1,5m lát gạch Terrazzo, hai bên là len trồng cây. Trên hè phố bố trí hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước mưa. Phía hè phố đối diện rộng 6,5m, chỉ bố trí bó vỉa, còn lại là phân của công viên xanh.

#### ***Tuyến kênh 2:***

Hướng tuyến kênh 2: điểm đầu giao đường nhánh giao đường Hoàng Quốc Việt và TL1 cũ (kiệt 47 Hoàng Quốc Việt), điểm cuối giao tuyến kênh 1. Tổng chiều dài toàn tuyến kênh khoảng 0,994km.

Quy mô đầu tư: Đầu tư xây tuyến kênh, san nền 2 dải đất hai bên kênh và trồng cây xanh.

- Nạo vét tuyến kênh: Chiều dài 0,994km, cao trình đáy mương -1,22m ~ -1,8m, bề rộng kênh 25,0m. Kết cấu gồm khoá chân kè bằng tường là đá xây, cao trình đỉnh tường là +0,50, cao trình đỉnh kè là công viên cây xanh, mái kè  $m=1,5$  từ cao trình +0.50 đến đỉnh kè, được ốp bằng tấm BTXM M200 trong hệ thống khung giằng, giữa tấm có lỗ trồng cây (phù hợp với hạ tầng công viên trên đỉnh kè).

- Công viên cây xanh: Nằm về hai phía của kênh, chiều rộng mỗi phía là 10m, dốc 5% về phía mương thoát nước, được đắp đất tận dụng lấy từ đất đào kênh thoát nước. Trồng cây trang trí.

- Điện chiếu sáng: Bố trí 2 hàng điện chiếu sáng 2 bên kênh, khoảng cách 30-40m/cột.

### **3.3.4.1.2. Cải tạo đường bộ (Bao gồm xây dựng mới 2 đoạn đường tại khu B khu đô thị mới An Vân Dương và cải tạo 3 đoạn đường):**

#### **a. Tuyến đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương.**

Đường mặt cắt 60m khu B - Đô thị mới An Vân Dương thuộc Quy hoạch chung khu Đô thị mới An Vân Dương, phía Đông thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 02/5/2005; Quy hoạch chi tiết xây dựng khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế được phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 và Điều chỉnh Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Võ Chí Công (Tỉnh lộ 28), điểm cuối giao Đường liên xã Thủy Thanh - Thủy Vân (đường Nguyễn Cửu Vân). Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 2,11km.

Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn thiện mặt đường, hè phố, hạ tầng kỹ thuật; Mặt cắt ngang đường  $B=6,0$  (hè phố)+ $15,5$  (mặt đường) +  $17,0$  (dải phân cách) + $15,5$  (mặt đường) +  $6,0$  (hè phố) = 60m.

- Mặt đường: Rộng  $15,5 \times 2$ m, cao trình mặt đường +2,64m. Kết cấu mặt đường kết cấu mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa rải nóng, có mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 140$ Mpa, 2 lớp bê tông nhựa chặt C19, C16 trên các lớp cấp phối đá dăm.

- Giải phân cách: Rộng 17m, đắp đất đến cao trình thiết kế, di dời cây xanh đến vị trí hợp lý, trồng mới một số cây tại vị trí còn thiếu.

- Hè phố: Bề rộng 6m, lát gạch Terrazzo, bố trí bó vỉa, rãnh vỉa, bó hè, dọc tuyến bố trí ô trồng cây.

- Điện chiếu sáng: Bố trí 4 hàng điện chiếu sáng, mỗi làn đường 2 hàng, khoảng cách 30-40m/cột, trong đó xây mới 02 hàng phía trong dải phân cách, 02 hàng trên hè phố được tận dụng và nâng phần móng cột.

- An toàn giao thông: Bố trí sơn kẻ đường và biển báo.

- Thoát nước: Bố trí hệ thống hố thu, đường ống thoát nước mưa D600-D1500 tại các đoạn chưa đầu tư xây dựng. Bố trí một số cống tiêu ngang đường theo quy hoạch.

- Công viên cây xanh: Cắt tỉa, di dời các cây đoạn mở rộng mặt đường, trồng mới một số cây vị trí chưa có.

**b. Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương.**

Tuyến đường mặt cắt 100m nối từ đường quy hoạch mặt cắt 60m đến đường quy hoạch mặt cắt 36m thuộc khu B- Đô thị mới An Vân Dương thuộc Quy hoạch chung khu Đô thị mới An Vân Dương, phía Đông thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 02/5/2005; Quy hoạch chi tiết xây dựng khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế được phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 và Điều chỉnh Quy hoạch phân khu (tỷ lệ

1/2000) Khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường mặt cắt 60m, điểm cuối giao đường mặt cắt 36m. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 0,629km.

Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn thiện mặt đường, hè phố, hạ tầng kỹ thuật; Mặt cắt ngang đường  $B=11,0$  (hè phố) + 15,5 (mặt đường) + 11,0 (hè phố)+25,0 (kênh thoát nước)+11,0 (hè phố)+15,5 (mặt đường)+11,0 (hè phố)=100m.

- Mặt đường: Rộng 15,5x2m, cao trình mặt đường +2,64m. Kết cấu mặt đường kết cấu mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa rải nóng, có mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 155 \text{Mpa}$ , 2 lớp bê tông nhựa chặt C19, C16 trên các lớp cấp phối đá dăm.

- Giải phân cách: Rộng 2m, đắp đất đến cao trình thiết kế, trồng mới một số cây bụi thấp.

- Hè phố: Phía kênh thoát nước rộng 11m, chỉ bố trí bó vỉa, còn lại là một phần của công viên cây xanh. Phía còn lại vỉa hè rộng 11m, lát gạch Terrazzo, bố trí bó vỉa, rãnh vỉa, bó hè, dọc tuyến bố trí ô trồng cây.

- Điện chiếu sáng: Bố trí 4 hàng điện chiếu sáng, mỗi làn đường 2 hàng, khoảng cách 30-40m/cột.

- An toàn giao thông: Bố trí sơn kẻ đường và biển báo.

- Thoát nước: Bố trí hệ thống hố thu, đường ống thoát nước mưa D600-D1000, đường ống thoát nước thải D400, đường ống cấp nước D150, hộp kỹ thuật dọc vỉa hè. Bố trí một số cống tiêu ngang đường theo quy hoạch.

- Công viên cây xanh: Đắp đất đến cao trình thiết kế, trồng mới một số cây xanh hai bên mương thoát nước.

Kênh thoát nước: Chiều dài kênh 0,629km, kết cấu là kè mái đá xây, dày 40-50cm, mái kè  $m=1$ . Cao trình đáy mương khoảng  $(-1,0 \div +1,0)$ m. Cao trình đỉnh mương bám theo lề đường.

### **c. Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (Tỷ lệ 1/2000)**

Đường Kim Long và Nguyễn Phúc Nguyên (TL12B) thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) khu vực Hương Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 và Quy hoạch phân khu phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Vạn Xuân, điểm cuối tại chùa Thiên Mụ. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 2,715km.

Quy mô đầu tư: Nâng cấp mặt đường bằng Bê tông nhựa kết hợp bù cấp phối đá dăm, lát vỉa hè bằng đá Granit, bó vỉa đá và ô trồng cây bằng đá; Mặt cắt ngang đường  $B=4,5$ (hè phố)+14(mặt đường)+4,5(hè phố)=23,0m.

- Mặt đường: Rộng 14,0m, kết cấu mặt đường kết cấu mặt đường cấp cao

A1 bằng bê tông nhựa rải nóng, có mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} \geq 130 \text{Mpa}$ , 1 lớp bê tông nhựa chặt C19 trên lớp bù vênh cấp phối đá dăm.

- Hè phố: Rộng 2x4,50m. Hè phố lát đá Granite tự nhiên, bó vỉa, ô trồng cây bằng đá tự nhiên.

- Điện chiếu sáng: Tận dụng điện chiếu sáng hiện trạng trên tuyến.

- An toàn giao thông: Sơn kẻ đường và biển báo.

- Thoát nước: Bố trí hệ thống hồ thu, đường ống thoát nước mưa D600-D800mm tại những vị trí chưa đầu tư xây dựng.

#### **d. Đường Bạch Đằng.**

Đường Bạch Đằng thuộc Quy hoạch phân khu phường Phú Hậu - Phú Hiệp - Phú Cát, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 03/02/2021.

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Chi Lăng tại cầu Gia Hội, điểm cuối tại cầu Đông Ba. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 0,693km.

Quy mô đầu tư: Thay thế kết cấu mặt đường BTN bằng kết cấu lát đá Cubic dày 10cm, móng BTXM M300. Hè phố lát đá lát đá Cubic dày 10cm, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng. Mặt cắt ngang đường  $B=4,5$  (hè phố) +  $7,5$  (mặt đường) +  $2,5$  (hè phố) =  $14,5\text{m}$ .

- Mặt đường: Rộng 7,5m, đào thay kết cấu mặt BTN hiện trạng, lát đá Cubic tự nhiên dày 10cm (có khò mặt tạo nhám) trên lớp Bê tông xi măng M300 dày 25cm và lớp cấp phối đá dăm.

- Hè phố: Hè phố phía trái tuyến rộng 4,5m, phía phải tuyến rộng 2,5m (phía nhà dân), lát đá Cubic tự nhiên dày 10cm, bó vỉa, ô trồng cây bằng đá tự nhiên.

- Điện chiếu sáng: Thay thế và lắp đặt mới hệ thống cột đèn chiếu sáng, bóng LED khoảng cách 30-40m/cột.

- An toàn giao thông: Sơn kẻ đường và biển báo.

#### **e. Đường Chi Lăng.**

Đường Chi Lăng thuộc Quy hoạch phân khu phường Phú Hậu - Phú Hiệp - Phú Cát, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 03/02/2021

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Bạch Đằng tại cầu Gia Hội, điểm cuối giao đường Nguyễn Bình Khiêm. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 0,85km.

Quy mô đầu tư: Thay thế kết cấu mặt đường BTN bằng kết cấu lát đá Cubic dày 10cm, móng BTXM M300. Hè phố lát đá Cubic dày 10cm, xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng. Mặt cắt ngang đường  $B=2,5$  (hè phố) +  $7,5$  (mặt đường) +  $2,5$  (hè phố) =  $12,5\text{m}$ .

- Mặt đường: Rộng 7,5m, đào thay kết cấu mặt BTN hiện trạng, lát đá Cubic tự nhiên dày 10cm (có khò mặt tạo nhám) trên lớp Bê tông xi măng M300 dày 25cm và lớp cấp phối đá dăm.

- Hè phố: Hè phố mỗi bên rộng 2,5m, lát đá Cubic dày 10cm, bó vỉa, ô trồng cây bằng đá tự nhiên.

- Điện chiếu sáng: Thay thế và lắp đặt mới hệ thống cột đèn chiếu sáng, bóng LED khoảng cách 30-40m/cột.
- An toàn giao thông: Sơn kẻ đường và biển báo.

### 3.3.4.1.3. Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh.

Cầu đi bộ nối từ trung tâm hành chính thành phố Huế - Trung tâm thể thao tỉnh (Cầu băng ngang đường Tố Hữu) thuộc Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) khu trung tâm phía Đông thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 06/7/2024.

Hướng tuyến: Điểm đầu giao đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối tại Trung tâm thể thao tỉnh. Tổng chiều dài toàn tuyến và cầu đi bộ khoảng 0,38km.

Quy mô đầu tư:

- Chỉnh trang đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn từ Tố Hữu đến Phùng Chí Kiên), mặt cắt ngang theo quy hoạch B=3,0 (hè phố) + 7,5 (mặt đường) + 3,0 (hè phố)=13,5m, L=75m bằng kết cấu lát đá.

- Xây dựng cầu đi bộ. Chiều dài cầu dự kiến L=307,5m; bề rộng cầu B=3,0m; kết cấu chính bằng thép kết hợp gỗ, đồng và các vật liệu khác để tạo điểm nhấn; bố trí đèn chiếu sáng để trang trí và cảnh quan.

+ Đường Nguyễn Hữu Thọ: Mặt đường rộng 7,5m lát đá Cubic tự nhiên dày 10cm (có khò mặt tạo nhám) trên lớp Bê tông xi măng M300 dày 25cm và lớp cấp phối đá dăm; Hè phố: Mỗi bên rộng 3m, lát đá Cubic tự nhiên dày 10cm, bó vỉa, ô trồng cây bằng đá tự nhiên; Bố trí hệ thống điện trang trí bao gồm tủ điện điều khiển, đèn chiếu sáng cao 14m, cao 3,5m, cao 0,6m, đèn pha cây và các thiết bị phụ kiện; Cây xanh: Trồng thảm hoa bốn mùa, cây cảnh quan tầm cao, tầm trung, tầm thấp trang trí.

### 3.3.4.2. Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình	Ký hiệu
<b>I</b>	<b>Thiết kế</b>	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01/2008/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật” Công trình giao thông	QCVN 07-04:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
5	Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế	QCVN 04-05:2022/BNNPTNT
6	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình	Ký hiệu
7	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
8	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
9	Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường BTXM có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	3230/QĐ-BGTVT
7	Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2020/TCĐBVN
8	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS38:2022/TCĐBVN
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574 : 2018
10	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957-2023
11	Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-2023
12	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
13	Công hợp bê tông cốt thép	TCVN 9116-2012
14	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845-2013
15	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị	TCVN 13608-2023
16	Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị	TCVN 259-2001
17	Bê tông thủy công – Yêu cầu thiết kế	TCVN 8218-2009
18	Yêu cầu thiết kế công trình bảo vệ đê, bờ sông	TCVN 8419-2022
19	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác	

### 3.3.5. Nội dung thiết kế:

#### a. Yêu cầu:

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh bao gồm 03 phần:
  - + Phần 1: Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh + tổng mức đầu tư và khái công trình.
  - + Phần 2: Thiết kế cơ sở.
  - + Phần 3: Phụ lục bảng tính.

- Yêu cầu chung: Phù hợp với nội dung của các Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh, Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Huế về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) – tiểu dự án Thừa Thiên Huế; Đáp ứng công năng sử dụng, tuân thủ các Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

- Công năng sử dụng: Thuận tiện, hiệu quả, tiết kiệm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cần thiết khi dự án đưa vào vận hành sử dụng;

- Quy mô thiết kế: Phù hợp với chủ trương dự án đã được phê duyệt và điều kiện địa hình, địa chất thực tế hiện nay;

- Thời gian sử dụng theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với cấp công trình, quy mô công trình đầu tư;

- Phương án kết cấu, loại vật liệu chủ yếu: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế. Vật liệu sử dụng phải đảm bảo chất lượng, bền đẹp, thân thiện môi trường, ưu tiên sử dụng các loại vật liệu có sẵn ở địa phương.

- Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

*b. Nội dung hồ sơ :*

- Hồ sơ thiết kế cơ sở phải đầy đủ theo quy định tại khoản 1, Điều 54 của Luật Xây dựng năm 2014 và thể hiện được giải pháp thiết kế, các thông số kỹ thuật chủ yếu bảo đảm đủ điều kiện để triển khai bước thiết kế tiếp theo. Thiết kế cơ sở bao gồm thuyết minh và các bản vẽ.

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

- Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế phải được đóng thành tập hồ sơ theo khổ giấy A3 trở lên, được lập danh mục thống kê bản vẽ, đánh số, ký hiệu.

## **II. Phạm vi công việc:**

### **1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, tiến độ thực hiện:**

a. Phạm vi công việc: Thực hiện tư vấn Tư vấn khảo sát, thiết kế lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) – tiểu dự án Thừa Thiên Huế với nội dung và quy mô đầu tư nêu trên đảm bảo theo đúng các quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ, **đáp ứng được các yếu tố do ADB đề xuất** để nâng cao hiệu quả sử dụng công trình.

b. Nguồn vốn: Vốn đối ứng

c. Tên cơ quan thực hiện dự án:

- Chủ dự án: Sở Tài chính thành phố Huế.

- Ban QLDA: Ban QLDA đầu tư xây dựng Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - dự án thành phần Thừa Thiên Huế.

d. Thời gian thực hiện: Không quá 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

## **2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu tư vấn phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn**

Nhà thầu tư vấn phải tuân thủ các quy định sau:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của Nhà tài trợ nước ngoài;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
- Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- [Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.](#)

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) vay vốn ngân hàng phát triển Châu Á;
- Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh thời gian thực hiện và sử dụng vốn dự và Dự án “Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) – tiểu dự án Thừa Thiên Huế” vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);
- Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Chương trình phát triển các Đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 và Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019; Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2020; Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021; Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê

duyet điều chỉnh dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)  
- tiểu dự án Thừa Thiên Huế;

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Huế về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Huế về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - tiểu dự án Thừa Thiên Huế

- Tuân thủ hợp đồng đã ký kết.

### **3. Thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn**

Ngay khi hợp đồng được ký kết.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

#### **1. Báo cáo**

- Đơn vị tư vấn có trách nhiệm lập báo cáo về tiến độ, khối lượng, bố trí nhân lực của đơn vị cho Chủ đầu tư khi được yêu cầu.

- Báo cáo ngay cho Chủ đầu tư khi có những vướng mắc, điều chỉnh cần xử lý.

#### **2. Thời gian thực hiện:**

Phù hợp tiến độ đã ký kết.

**IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:** Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí: Theo yêu cầu của HSMT và yêu cầu của Chủ đầu tư.

#### **V. Trách nhiệm của bên mời thầu:**

- Kịp thời xử lý các công việc liên quan trong quá trình thực hiện.

- Làm đầu mối xử lý công việc với các Cơ quan, đơn vị liên quan.

- Cung cấp các tài liệu liên quan để Nhà thầu tư vấn thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.